

Bản án số: 261/2023/DS-ST

Ngày 23-6-2023

V/v: Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 654/2022/TLST-DSST ngày 06 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, số 266-268, đường N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Nguyễn Khoa N – Phó Giám đốc Trung tâm thẻ.

Ông N ủy quyền lại cho ông Trần Đức T – Nhân viên; Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, số 266-268, đường N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy ủy quyền số 1803/2019/UQ-TTT ngày 31/10/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thành H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 298A, ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào ngày 07/12/2011, ông Phan Thành H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng Thương T) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 10.120.000đ.

Theo nội dung hợp đồng: Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); ông H phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; chi tiết lãi, phí đã được thể hiện trong bản sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.000.000đ (chi tiết các lần thanh toán theo bản sao kê đã đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau: Các khoản phí/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước; Các khoản phí/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hoá trong kỳ.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/02/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến nay, ông H còn nợ số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (gồm vốn gốc là 5.069.279đ, lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ). Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng, 02 Văn bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu sao y của bị đơn; Giấy uỷ quyền số 3892 ngày 03/12/2018; Quyết định số 11844 ngày 09/11/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 07/12/2011; Thông báo thay đổi lãi suất số 314/TB-TTT; 02 Công văn nhắc nợ ngày 27/11/2013, 27/12/2013; Tóm tắt Sao kê đến ngày 23/6/2023.

Bị đơn ông Phan Thành H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án đã đảm bảo đúng thời hạn theo quy định Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án ra Quyết định xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ đến Viện kiểm sát đảm bảo đúng hạn cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu; căn cứ vào toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; buộc ông H phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (gồm vốn gốc là 5.069.279đ, lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét thấy bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã P, huyện C và nơi thực hiện hợp đồng tại huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (gồm vốn gốc là 5.069.279đ, lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 07/12/2011, ông Phan Thành H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng T) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 10.120.000đ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.000.000đ (chi tiết các lần thanh toán theo bản sao kê đã đính kèm). Từ lần thanh toán cuối cùng là ngày 22/11/2013 đến nay, ông H không tiếp tục trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ số tiền nào. Tính đến nay, ông H còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (gồm vốn gốc là 5.069.279đ, lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ) là đúng. Như vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Bị đơn là ông H đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt ông H, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông H trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (gồm vốn gốc là 5.069.279đ, lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ).

[3] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; xét thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Phan Thành H có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng là 26.665.775đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc ông Phan Thành H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 26.665.775đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó vốn gốc là 5.069.279đ (năm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng), lãi quá hạn đến ngày 23/6/2023 là 21.596.496đ (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí DSST là 1.333.288đ (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) buộc ông Phan Thành H phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 450.870đ (bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0083542 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan